SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH BÌNH DƯƠNG **CHI CỤC CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 451 /QĐ-CCCNTYTS	*Bình Dương, ngày 08 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành và áp dụng Hệ thống tài liệu theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản Bình Dương

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-SNN, ngày 17/3/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 2430/QĐ-UBND, ngày 27/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Uỷ ban nhân dân cấp huyện/Uỷ ban nhân dân cấp xã tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND, ngày 12/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-UBND, ngày 14/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-UBND, ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-SNN ngày 16/3/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc phân công nhiệm vụ hướng dẫn áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trên địa bàn tỉnh;

Quyết định số 116/QĐ-SNN ngày 28/4/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân công thực hiện thủ tục hành chính: Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, động vật rừng nguy cấp, qúy, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES;

Căn cứ Quyết định số 1107/QĐ-UBND, ngày 11/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 2064/QĐ-UBND, ngày 26/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Uỷ ban nhân dân cấp xã tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 2340/QĐ-UBND, ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 2691/QĐ-UBND, ngày 27/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 2696/QĐ-UBND, ngày 31/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 3017/QĐ-UBND, ngày 21/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 3271/QĐ-UBND, ngày 06/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính-Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và áp dụng Hệ thống tài liệu theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản Bình Dương gồm các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 438/QĐ-CCCNTYTS, ngày 28/11/2022 của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Ban Chỉ đạo ISO, Trưởng phòng Hành chính-Tổng hợp và Trưởng các Phòng, Trạm trực thuộc Chi cục có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Sở Khoa học và Công nghệ (để biết);
- Chi cục Tiêu chuẩn ĐLCL (để biết);
- Lưu: VT, HCTH, Thủy (01b).

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC CHĂN NUÔI THÚ Y VÀ THỦY SẢN

Trần Phú Cường

Phụ lục
DANH MỤC TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015 ÁP DỤNG TẠI CHI CỤC CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 451 /QĐ-CCCNTYTS, ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Bình Dương)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ngày ban hành
Thủ tục, hướng dẫn theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng			
1	Sổ tay chất lượng	STCL	24/01/2022
2	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản (Tài liệu, hồ sơ)	HD.01	20/02/2020
3	Hướng dẫn quản lý rủi ro cơ hội	HD.02	20/02/2020
4	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03	20/02/2020
5	Hướng dẫn kiểm soát sự KPH và hành động khắc phục	HD.04	20/02/2020
Quy trình giải quyết TTHC			
1	Quy trình cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	QT 2.001064	05/9/2022
2	Quy trình cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	QT 1.005319	05/9/2022
3	Quy trình cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	QT 2.002132	10/11/2022
4	Quy trình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	QT 1.001686	25/11/2022
5	Quy trình cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	QT 1.004022	27/10/2021
6	Quy trình cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	QT 1.003781	27/10/2021
7	Quy trình cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	QT 1.005327	27/10/2021

8	Quy trình cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	QT 1.003619	27/10/2021
9	Quy trình cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	QT 1.003810	27/10/2021
10	Quy trình cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở toàn dịch bệnh động vật thủy sản	QT 1.003612	27/10/2021
11	Quy trình cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	QT 1.003589	27/10/2021
12	Quy trình cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	QT 1.003577	27/10/2021
13	Quy trình cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	QT 1.002239	27/10/2021
14	Quy trình cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	QT 1.002338	10/11/2022
15	Quy trình cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	QT 2.000873	27/10/2021
16	Quy trình cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	QT 1.004839	27/10/2021
17	Quy trình cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc Thủy sản)	QT 1.003598	27/10/2021
18	Quy trình cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	QT 2.001827	20/5/2022
19	Quy trình cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).	QT 2.001823	20/5/2022
20	Quy trình cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng	QT 2.001819	20/5/2022

	nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận).		
21	Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	QT 2.001241	27/10/2021
22	Quy trình cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	QT 2.001838	27/10/2021
23	Quy trình cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ).	QT 1.004918	27/10/2021
24	Quy trình cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	QT 1.004915	05/9/2022
25	Quy trình cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	QT 1.004913	27/10/2021
26	Quy trình Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	QT 1.004680	27/10/2021
27	Quy trình Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	QT 1.004656	27/10/2021
28	Quy trình cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	QT 1.004697	27/10/2021
29	Quy trình Xóa đăng ký tàu cá	QT 1.003681	08/3/2022
30	Quy trình cấp Văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	QT 1.004344	27/10/2021
31	Quy trình cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	QT 1.004692	27/10/2021
32	Quy trình cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	QT 1.004359	27/10/2021
33	Quy trình cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	QT 1.003650	08/3/2022

34	Quy trình cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.	QT 1.003634	08/3/2022
35	Quy trình Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	QT 1.008126	30/9/2022
36	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	QT 1.008127	30/9/2022
37	Quy trình Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	QT 1.008128	30/9/2022
38	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	QT 1.008129	30/9/2022
39	Quy trình Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	QT 1.009478	08/12/2022
40	Quy trình Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	QT 2.002169	05/9/2022
41	Quy trình Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	QT 1.005411	05/9/2022
Quy trình quản lý nội bộ			
1	Quy trình quản lý văn bản đi – đến	QTNB-01	20/02/2020
2	Đăng ký hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông, lâm sản và thủy sản	QT 1.009304	28/4/2022
3	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, động vật rừng nguy cấp, qúy, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	QT 1.004815	20/5/2022

DANH MỤC TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015 HẾT HIỆU LỰC CỦA CHI CỤC CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 451 */QĐ*-CCCNTYTS*, ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Bình Dương)*

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ngày ban hành
Quy trình giải quyết TTHC			
1	Quy trình Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	QT 1.009478	20/5/2022